

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST  
Ngày: 08-7-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Thành Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; Địa chỉ trụ sở chính: xx Phố L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ Phòng giao dịch: Khóm 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông B, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông K, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), do ông B đại diện, trình bày: Ông K có vay tiền của Ngân hàng gồm 02 khoản vay, cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 9 năm 2015, vay số tiền gốc là 12.000.000 đồng, thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, theo khế ước số 6600000705544008, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, mỗi lần trả 1.200.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 9 năm 2020. Từ khi vay tiền cho đến khi khởi kiện thì ông K có đóng tiền lãi đầy đủ và trả nợ gốc cho Ngân hàng được số tiền 500.000 đồng (vào ngày 07 tháng 11 năm 2019).

- Ngày 11 tháng 3 năm 2016, vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, thuộc chương trình cho vay xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài, theo khế ước số 6600000706689952, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ là 01 tháng/lần, mỗi lần trả 3.100.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 02 năm 2019, được Ngân hàng gia hạn thêm đến ngày 18 tháng 02 năm 2020. Trong quá trình vay, ông K có đóng tiền lãi cho Ngân hàng và trả dần nhiều lần cho Ngân hàng được số tiền gốc là 84.200.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 15.800.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông K trả nợ theo định kỳ nhưng ông K chưa thực hiện, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông K trả lại các khoản vay trên.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện do có phát sinh việc ông K có trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Ngày 22 tháng 6 năm 2020, ông K đã trả xong khoản nợ vay xuất khẩu lao động theo khế ước số 6600000706689952 nên xin rút lại yêu cầu này. Còn lại khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo khế ước số 6600000705544008, yêu cầu ông K trả nợ gốc 11.500.000 đồng và lãi 107.500 đồng, tổng cộng 11.607.500 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký.

Bị đơn, ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng ông K vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề

ngợi đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn đã rút; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông K trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ 11.607.500 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận đã ký.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà Ngân hàng đưa ra nên Ngân hàng không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ vay còn lại 15.800.000 đồng theo khế ước số 6600000706689952 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ giải quyết phần yêu cầu đã rút.

[5] Xét việc nguyên đơn yêu cầu ông K trả số tiền vay còn nợ và lãi là 11.607.500 đồng theo khế ước số 6600000705544008 là có căn cứ để chấp nhận, vì: Ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng định kỳ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông K phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay còn lại nợ gốc và lãi 11.607.500 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong khế ước mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông K phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền 580.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244, 227, 228 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C đã rút, về việc yêu cầu ông K trả khoản nợ vay gốc còn lại 15.800.000 đồng theo khế ước số 6600000706689952.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

3. Buộc ông K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay còn nợ 11.607.500 (Mười một triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký, khế ước vay số 6600000705544008 ngày 18 tháng 9 năm 2015 cho đến khi trả nợ xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông K chịu 580.000 (Năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2020); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**